

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-09-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Đông Phong và bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Nhận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: không.

Ngày 13 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36c/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Lưu Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/05/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lưu Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/06/2010, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2010 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 12/05/2021, bị đơn là anh Lưu Văn T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/06/2010, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và thi thoảng va chạm cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không còn chung sống từ cuối năm 2010, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2010 đến nay, hai bên không còn qua lại, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị T làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Lưu Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng không có mặt mà không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Anh T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/06/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh T thừa nhận, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2010, vợ chồng cũng ly thân từ đó, thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, một thời gian dài chị T và anh T không chung sống và quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp

[3]. Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Văn T thừa nhận, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Văn T.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009344 ngày 23/04/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam